

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09 -01-2020

V/v ly hôn giữa chị T
và anh P.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Thường

2. Bà Trần Thị Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST - HNGĐ ngày 02-12-2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-12-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT tại: Xóm T, thôn V, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tạm trú tại: Xóm 15, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình P - sinh năm 1967.

Trú tại: Xóm T, thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T và anh P vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17-10-2019, bản tự khai ngày 04-12-2019, các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đình P

tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 09-12-2017 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, anh P tính tình không chung thủy, không quan tâm chăm lo cho gia đình vợ con. Khi chị đi làm có tiền thì anh P giữ hết kinh tế, khi chị nghỉ thai sản không đi làm thì anh P thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Vì thế cuộc sống chung của anh chị thường xảy ra va chạm cãi chửi nhau, từ đó dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Mâu thuẫn gia đình chị ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm của mâu thuẫn là khi chị sinh con được 01 tháng thì anh P bắt chị cho con đi nhưng chị không đồng ý. Đến khoảng tháng 9-2018 anh P đã bỏ mẹ con chị về quê anh P ở xã C, huyện V sinh sống và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Từ thời điểm sống ly thân chị và anh P không qua lại thăm hỏi nhau và không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa do đó chị T xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Trần Ngô Công Đ, sinh ngày 21-06-2018. Từ thời điểm anh chị sống ly thân cháu Đ được chị T nuôi dưỡng, anh P không thăm nom cháu lần nào. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị vì hiện nay chị đang làm việc tại Công ty THNN Mây mặc Junzhen với mức thu nhập theo hợp đồng là 3.600.000 đồng + tăng ca là 4.400.000 đồng. Tổng thu nhập là 8.000.000 đồng/tháng; Chị có nhà riêng và bố mẹ chị hỗ trợ chăm sóc con khi chị đi làm nên chị đảm bảo sẽ nuôi dạy con được tốt nhất.

Về tài sản, công nợ và nội dung khác liên quan: Chị và anh P không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16 -12-2019 và các văn bản khác, bị đơn là anh Trần Đình P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh P về điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn giống như lời khai của chị T. Theo anh P thì anh và chị T về

chung sống với nhau từ ngày 13-5-2017 (Âm lịch) sau đó đến ngày 09-12-2017 mới đi đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do tính tình vợ chồng không hợp, ngay từ những ngày đầu về chung sống với nhau cuộc sống chung của anh chị đã không có hạnh phúc. Anh chăm lo cho gia đình, chăm sóc chị T nhưng chị T không biết điều, suốt ngày cứ lảm lì không nói gì nên anh không hiểu tính tình chị T như thế nào. Mâu thuẫn gia đình trầm trọng từ thời điểm vợ chồng anh chuyển về quê chị T ở huyện Y sinh sống. Chị T không tôn trọng anh, coi thường anh nên anh đã một mình bỏ về quê ở xã C, huyện V sinh sống. Anh và chị T chính thức sống ly thân từ ngày 01-10-2018 (Âm lịch) đến nay. Từ thời điểm sống ly thân anh chị không quan tâm gì đến cuộc sống chung của nhau nữa. Bản thân anh mặc dù kết hôn không có tình yêu với chị T nhưng sau khi về sống với nhau cũng có tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Nếu chị T cương quyết xin ly hôn, anh không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Trần Ngô Công Đ, sinh ngày 21-06-2018. Từ ngày anh chị sống ly thân cháu Đ được chị T nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi con. Hiện nay chị T có nơi ở riêng, có công việc ổn định nên đảm bảo được cuộc sống của cháu Đ và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Anh P không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh P không muốn giáp mặt với chị T vì chị T không tôn trọng và coi thường tình cảm của anh do đó anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Trần Đình P.

- + Về con chung: Giao cháu Trần Ngô Công Đ, sinh ngày 21-06-2018 cho chị Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Đình P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn thôn V, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Ngô Thị T và bị đơn là anh Trần Đình P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Trần Đình P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 19-12-2017. Như vậy hôn nhân của chị T và anh P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù anh P có nguyện vọng xin được đoàn tụ gia đình nhưng anh P cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ 01-10-2018 (âm lịch) đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị T và anh P không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình của chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Trần Đình P có 01 con chung là Trần Ngô Công Đ, sinh ngày 21-06-2018, hiện nay cháu Đ đang sinh sống ổn định cùng chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh P cũng nhất trí để chị T nuôi dưỡng cháu Đ. Hội đồng xét xử xét thấy chị T có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định vì vậy đảm bảo chăm lo cho cuộc sống cho cháu Đ, do đó Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Trần Đình P

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngô Công Đ, sinh ngày 21-06-2018 (hiện nay cháu Đ đang sinh sống cùng chị T) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Đ trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0001864 ngày 02-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ.

Chị Ngô Thị T và anh Trần Đình P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã C;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm